TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Bà Nguyễn Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2025/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2026/QĐST-ST, ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 002193004653, cấp ngày: 30/06/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bàn Văn H1, sinh năm 1981; Số định danh cá nhân: 002081004998; Vắng mặt lần 2, không có lý do.

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn K, xã V, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Bàn Văn H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi sinh con đầu lòng, đến ngày 02/7/2013 chị và anh H1 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (Nay là UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân là anh H1 thường xuyên rượu chè, bê tha, không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi chửi nhau, tình cảm ngày một rạn nứt, mặc dù được gia đình hai bên góp ý khuyên bảo, hòa giải nhưng anh H1 vẫn không chịu sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chính vì thế chị đã chuyển ra khỏi nhà và sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo thì cuộc hôn nhân giữa chị và anh H1 cũng không thể hạnh phúc. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5-Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Bàn Ngọc Á, sinh ngày 28/7/2012 và Bàn Đức T, sinh ngày 12/02/2017, khi ly hôn chị có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng một cháu, chị có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Bàn Ngọc Á, giao cháu Bàn Đức T cho anh Bàn Văn H1 nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của các cháu Bàn Ngọc Á và Bàn Đức T vào ngày ngày 12/11/2025 có trình bày như sau:

Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Bàn Ngọc Á có nguyện vọng được ở với mẹ là Đặng Thị H, còn cháu Bàn Đức T có nguyện vọng được ở với bố là Bàn Văn H1.

Bị đơn anh Bàn Văn H1 vắng mặt, anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho Trưởng thôn Khuổi Phạt, xã V là ông Lý Văn N, anh H1 đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và được biết việc chị H yêu cầu ly hôn anh nhưng bản thân anh H1 không hợp tác và nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại các Biên bản xác minh ngày 03/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Trưởng thôn Khuổi Phạt, xã V và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tuyên Quang nơi chị H và anh H1 sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn H1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang) vào năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Đặng Thị H đã đem theo cháu Bàn Ngọc Á về gia đình nhà ngoại tại thôn K, xã Đ để sinh sống còn anh H1 và cháu T vẫn ở tại thôn K, xã V, mỗi người sống một nơi không

còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Bàn Ngọc Á, sinh ngày 28/7/2012 và Bàn Đức T, sinh ngày 12/02/2017, hiện nay cháu T đang ở cùng với bố còn cháu Á ở cùng với mẹ, hiện nay chị H và anh H1 đều là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định; tuy nhiên cả hai bên gia đình anh chị đều có ruộng, vườn, kết hợp với chăn nuôi, hơn nữa các cháu đều đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1 thì quan điểm của thôn, xã là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu muốn được ở với bố hay với mẹ và giải quyết theo quy định của pháp luật, còn về tài sản chung và công nợ chung, do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cung cấp thông tin gì thêm.

Tại phiên toà, chị Đặng Thị H vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn chị vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn, về việc nuôi con, chị có nguyện vọng giao cho mỗi người nuôi một cháu, chị là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Ngọc Á, giao cháu Bàn Đức T cho anh Bàn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bàn Văn H1; Về việc nuôi con chung giao cho mỗi người nuôi một cháu: Giao cháu Bàn Ngọc Á, sinh ngày 28/7/2012 cho chị Đặng Thị H, giao cháu Bàn Đức T, sinh ngày 12/02/2017 cho anh Bàn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: nguyên đơn là chị Đặng Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, bị đơn là anh Bàn Văn H1 không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Đặng Thị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025. Bị đơn anh Bàn Văn H1 có nơi cư trú tại thôn K, xã V, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân

sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Bàn Văn H1 chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã V, tỉnh Tuyên Quang) nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, chị H và anh H1 sống hạnh phúc với nhau được khoảng 8 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 thường xuyên rượu chè, bê tha, không quan tâm đến gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã bỏ về gia đình nhà ngoại để làm ăn sinh sống từ năm 2024 và anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H1 nhưng anh H1 vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị H. Chị H xác định không còn tình cảm với anh H1, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị H kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị H xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị H.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Bàn Ngọc Á, sinh ngày 28/7/2012 và Bàn Đức T, sinh ngày 12/02/2017, hiện nay cháu Á đang sinh sống cùng với chị H, cháu T đang sinh sống cùng với anh H1. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Á, giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị H đang nuôi cháu Á, anh H1 đang nuôi cháu T, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu Á có nguyện vọng được ở với chị H, cháu T có nguyện vọng ở với anh H1. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của hai cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu Á cho chị H, giao cháu T cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con

chung anh H1, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H, xử cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Bàn Văn H1.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật.

2. Về việc nuôi con chung: Xử giao cháu Bàn Ngọc Á, sinh ngày 28/7/2012 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Á đủ 18 tuổi; giao cháu Bàn Đức T, sinh ngày 12/02/2017 cho anh Bàn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh H1, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Tuyên Quang ngày 07/10/2025 theo biên lai số 0000615 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Vĩnh Tuy, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung